

Bản án số: 06/2018/LĐST
Ngày 15/8/2018
V/v Tranh chấp về Bảo hiểm
xã hội và Bảo hiểm y tế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 29/2017/TLST-LĐST ngày 19 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Tranh chấp Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2018/QĐST-LĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thanh H, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Số 144, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

Địa chỉ liên lạc: Số 22, đường M, ấp A, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH N;

Địa chỉ: Lô B2-9, KCN D, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nam Sung H – Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lục Thị C, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Tổ E, ấp S, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (Theo Giấy ủy quyền ngày 11/7/2018 của ông Nam Sung H).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh H trình bày: Ngày 12/3/2013, bà có ký hợp đồng lao động để làm việc tại Công ty TNHH N (Gọi tắt là Công ty); Địa chỉ: Lô B2-9, KCN D, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình làm việc tại

Công ty từ năm 2013, bà luôn chấp hành tốt nội quy Công ty và hàng tháng đều có đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ, cụ thể là hàng tháng Công ty đã trừ vào tiền lương của bà. Ngày 07/6/2017, bà làm đơn xin nghỉ thai sản 06 tháng, đến ngày 05/7/2017, bà đến Công ty nộp đầy đủ hồ sơ để được hưởng chế độ trợ cấp thai sản. Tuy nhiên, cho đến nay bà vẫn chưa nhận được tiền trợ cấp thai sản với lý do là Công ty không đóng các khoản tiền Bảo hiểm cho bà. Bà cũng không được Công ty mua Bảo hiểm y tế, do đó bà phải tự chi trả tiền viện phí khi nằm bệnh viện sinh con. Bà có liên hệ với Bảo hiểm xã hội huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì được biết Công ty chỉ tham gia đóng Bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 04/2013 đến tháng 11/2015, từ đó đến nay Công ty không đóng Bảo hiểm xã hội mặc dù đã trích trừ tiền lương hàng tháng.

Bà khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH N có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền trợ cấp thai sản là 29.936.000đ và tiền viện phí khi sinh con là 4.799.253đ. Tổng cộng bà yêu cầu số tiền 34.735.253đ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện tiền viện phí khi sinh con là 4.799.253đ, chỉ yêu cầu nguyên đơn phải trả số tiền trợ cấp thai sản là 29.936.000đ.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn nộp tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình: Hợp đồng thử việc ngày 12/3/2013, Hợp đồng lao động ngày 18/3/2013, Hợp đồng lao động ngày 18/3/2014, Hợp đồng lao động ngày 18/3/2015, Phiếu lương các tháng từ tháng 01/2017 đến tháng 06/2017, Bảng kê chi phí khám, chữa bệnh nội trú, Giấy xác nhận đang tham gia Bảo hiểm xã hội.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH N, bà Lục Thị C trình bày: Công ty TNHH N có ký hợp đồng lao động với bà H từ tháng 4/2013 đến tháng 01/2018 thì chấm dứt hợp đồng lao động. Do Công ty đã tạm ngưng sản xuất từ tháng 01/2018 và từ tháng 5/2018 mới hoạt động lại nên Công ty còn gặp nhiều khó khăn chưa thể thanh toán tiền thai sản cho người lao động. Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất số tiền và đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng đề nghị được trả dần làm 05 đợt cụ thể như sau: Ngày 25/12/2018 trả 5.000.000đ, ngày 25/3/2019 trả 5.000.000đ, ngày 25/6/2019 trả 5.000.000đ, ngày 20/9/2019 trả 5.000.000đ, ngày 20/12/2019 trả số tiền còn lại.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử; tại phiên Tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời thừa nhận của các bên đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH N trả cho nguyên đơn số tiền 29.936.000đ, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế” được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39

của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có trụ sở hoạt động tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, khởi kiện yêu cầu yêu cầu Công ty TNHH N có trách nhiệm thanh toán số tiền trợ cấp thai sản và chi phí tiền viện phí khi sinh con tổng cộng là 34.735.253đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền trợ cấp thai sản là 29.936.000đ, yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của nguyên đơn và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, không trái quy định của pháp luật, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 4.799.523đ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của phía bị đơn có cơ sở xác định các bên đã ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn từ 18/3/2015 theo quy định tại Điều 22 Bộ luật Lao động năm 2012. Căn cứ kết quả xác nhận của Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi thể hiện đến thời điểm ngày 23/5/2018, Công ty TNHH N tham gia đóng Bảo hiểm xã hội cho bà Đinh Thị Thanh H từ tháng 04/2013 đến tháng 11/2015. Công ty TNHH N đã vi phạm nghĩa vụ đóng tiền Bảo hiểm xã hội cho người lao động mặc dù hàng tháng Công ty đã trích thu khoản tiền này của người lao động. Bà Đinh Thị Thanh H đã nghỉ thai sản 06 tháng (từ tháng 07/2017) nhưng đến nay vẫn chưa được thanh toán tiền trợ cấp thai sản do Công ty TNHH N đã không tham gia đóng tiền BHXH cho bà H từ tháng 12/2015.

Tại phiên Tòa, phía bị đơn thống nhất số tiền và đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng đề nghị được trả dần. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu của bị đơn và đề nghị được trả một lần số tiền trên.

Về vấn đề tính tiền chi trả chế độ thai sản theo quy định tại Điều 38 và điểm a khoản 1 Điều 39 Luật Bảo hiểm xã hội. Mức hưởng chế độ thai sản = 6 x mức bình quân tiền lương đóng Bảo hiểm xã hội của 06 tháng liền kề trước khi nghỉ thai sản. Bà H có mức lương bình quân của 06 tháng liền kề trước khi nghỉ thai sản là 4.586.000đ x 6 = 27.516.000đ; cộng với trợ cấp 01 lần khi sinh con bằng 02 lần mức lương cơ sở tại tháng lao động nữ sinh con là 1.120.000đ x 2 = 2.420.000đ. Tổng cộng 02 khoản là 29.936.000đ (hai mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Xét thấy, Công ty TNHH N đã làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, do đó đề nghị được trả dần số tiền trợ cấp thai sản của Công ty là không có cơ sở chấp nhận.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ những phân tích trên; Căn cứ Điều 31, Điều 38, Điều 39 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và Điều 157 Bộ luật Lao động năm 2012; Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; buộc Công ty TNHH N trả cho nguyên đơn số tiền 29.936.000đ, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc Công ty TNHH N phải trả tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 15, Điều 22, Điều 157, Điều 200 Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 31, Điều 38, Điều 39 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 4.799.523đ (bốn triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn năm trăm hai mươi ba đồng).

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đinh Thị Thanh H về việc yêu cầu Công ty TNHH N phải trả tiền trợ cấp thai sản là 29.936.000đ (hai mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Buộc Công ty TNHH N có trách nhiệm trả cho bà Đinh Thị Thanh H số tiền 29.936.000đ (hai mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đinh Thị Thanh H đối với các khoản tiền phải trả cho bà H cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty TNHH N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí lao động sơ thẩm là 898.080đ (tám trăm chín mươi tám nghìn không trăm tám mươi đồng) buộc Công ty TNHH N phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan